

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH BÁCH TIẾN

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH BÁCH TIẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH TIEN TRAVEL SERVICE AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109443641

3. Ngày thành lập: 07/12/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15 ngõ 62, Tổ 3, Phố Gia Quất, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968298795

Fax:

Email: [dvtmbachthaotien@gmail.com](mailto:dvtmbachthaotien@gmail.com) Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                          | 1610        |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                       | 1621        |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                 | 1622        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                | 1629        |
| 5.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                   | 1811        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                | 1812        |
| 7.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                               | 1820        |
| 8.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                  | 2720        |
| 9.  | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung<br>Chi tiết: Sản xuất bếp lò điện cố định, bếp lò bề bơi điện, thiết bị bếp lò gia dụng không dùng điện, như năng lượng mặt trời, hơi, dầu và các lò và thiết bị bếp lò tương tự | 2815        |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ                                                                                                                                        | 3100        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                 | 4102(Chính) |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                | 4221        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                     | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                      | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                       | 4229        |
| 17. | Phá dỡ<br>Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn                                                                                                                                                                      | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất,<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...                                                                                                                                                               | 4330 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối;<br>- Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan;<br>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.                                                                                                                                                                                                                        | 4390 |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4511 |
| 24. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4512 |
| 25. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4513 |
| 26. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4520 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá.)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4530 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 30. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời;<br>Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác và máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác | 4659 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 34. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669 |
| 35. | Bán buôn tổng hợp<br>Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 36. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mỳ, bột mỳ, ngô...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721 |
| 37. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;<br>- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột;<br>- Thực phẩm khác.                                                                                                                                                                                                    | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.                                                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 40. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời; Bán lẻ máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác và máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện khác; Bán lẻ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm) | 4799 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 42. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 43. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610 |
| 44. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5621 |
| 45. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.<br>- Các nhà thầu phục vụ bữa ăn trên máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5629 |
| 46. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630 |
| 47. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6311 |
| 48. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |

|     |                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                            | 6312 |
| 50. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm.)                      | 7730 |
| 51. | Đại lý du lịch                                                                                                                            | 7911 |
| 52. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                     | 7912 |
| 53. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                       | 7990 |
| 54. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                      | 8230 |
| 55. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN | P206-C21 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Nguyễn Quý Đức, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 0271870006<br>57                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                     | Tổng số                   | 800        | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần phổ thông         | 800        | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                           |                                                                                                                                          |                                    |       |               |        |                  |
|---|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|---------------|--------|------------------|
| 2 | CHỦ THỊ<br>THANH<br>HƯƠNG | Thôn Ngọc Chúc<br>3, Xã Chí Đám,<br>Huyện Đơan<br>Hùng, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                                                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200   | 200.000.000   | 10,000 | 131051936        |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 200   | 200.000.000   | 10,000 |                  |
| 3 | CHỦ PHÚ<br>THỊNH          | P206-C21 Tập thể<br>Thanh Xuân Bắc,<br>Nguyễn Quý Đức,<br>Phường Thanh<br>Xuân Bắc, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000 | 1.000.000.000 | 50,000 | 0250810005<br>16 |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                           |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 1.000 | 1.000.000.000 | 50,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHỦ PHÚ THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025081000516

Ngày cấp: 11/02/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P206-C21 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Nguyễn Quý Đức, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P206-C21 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Nguyễn Quý Đức, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội